

# **Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

M.S.D.

# Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 42

M.S.N

# Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và bảy (7) chi nhánh gồm:

- Chi nhánh Lâm Đồng: tại Thôn 1, Xã Đa Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh Chư Prông: tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: tại số 94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang: tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Ayun Hạ: tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh Thừa Thiên Huế: tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam; và
- Chi nhánh TTC Bến Tre: tại số 75 Đường 30/4, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tân Xuân Hiến	Chủ tịch	
Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Yasushi Ujioka	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2016
Ông Deepak C.khanna	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2016
Ông Lê An Khang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016 và từ nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2016
Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 11 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thái Hà	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Vũ Hùng	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Hàn Phi Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Thanh Phong	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2016

# Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê An Khang	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Thanh Lạc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2016
Bà Trần Thị Phương	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2016
Bà Trần Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2016

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Tân Xuân Hiến.

Ông Lê An Khang được Ông Tân Xuân Hiến ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền số 34A/2015/QĐ-CT.HĐQT ngày 14 tháng 7 năm 2015.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con ("Nhóm Công ty"). Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê An Khang  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61121146/18592413

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“Công ty”) được lập ngày 9 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thu Thủy  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1070-2013-004-1

  
Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>212.119.974.710</b>	<b>317.351.323.260</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.115.299.410</b>	<b>15.715.290.957</b>
111	1. Tiền		9.115.299.410	7.715.290.957
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	8.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>193.278.062.819</b>	<b>297.966.888.007</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	63.602.021.190	72.196.697.763
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	698.398.556	779.538.435
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	79.343.858.552	171.343.858.552
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	49.986.805.675	53.975.525.242
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(354.887.284)	(354.887.284)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.866.130	26.155.299
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>9.345.687.349</b>	<b>3.456.192.348</b>
141	1. Hàng tồn kho		9.345.687.349	3.456.192.348
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>380.925.132</b>	<b>212.951.948</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		321.615.132	153.641.948
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	59.310.000	59.310.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.205.410.012.019</b>	<b>1.254.925.759.726</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>27.168.183.500</b>	<b>14.867.947.204</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	26.477.000.000	14.867.947.204
216	2. Phải thu dài hạn khác		691.183.500	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>790.504.846.823</b>	<b>831.723.930.180</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	786.389.400.284	827.631.310.333
222	Nguyên giá		1.043.073.248.116	1.034.383.642.471
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(256.683.847.832)	(206.752.332.138)
227	2. Tài sản vô hình	12	4.115.446.539	4.092.619.847
228	Nguyên giá		4.669.118.184	4.480.118.184
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(553.671.645)	(387.498.337)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.786.192.113</b>	<b>897.791.900</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	5.786.192.113	897.791.900
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>367.612.290.528</b>	<b>390.086.190.825</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		367.512.283.841	389.295.000.638
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.006.687	791.190.187
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.338.499.055</b>	<b>17.349.899.617</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14.338.499.055	17.349.899.617
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.417.529.986.729</b>	<b>1.572.277.082.986</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>473.616.888.206</b>	<b>706.729.397.648</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>105.299.537.108</b>	<b>189.757.378.714</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	5.574.321.662	6.249.247.443
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.625.805.100	698.424.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	8.437.295.307	14.209.103.915
314	4. Phải trả người lao động		4.953.202.916	4.242.976.010
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	439.581.191	2.837.535.779
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	828.624.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	40.561.014.567	52.216.606.521
320	8. Vay ngắn hạn	22	37.210.864.061	103.804.830.556
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.668.828.304	5.498.654.490
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>368.317.351.098</b>	<b>516.972.018.934</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	16	166.630.351	275.307.039
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	621.468.000	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	177.155.556.544	184.143.172.817
338	4. Vay dài hạn	22	189.463.195.957	332.553.539.078
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		910.500.246	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23.1</b>	<b>943.913.098.523</b>	<b>865.547.685.338</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>943.913.098.523</b>	<b>865.547.685.338</b>
411	1. Vốn cổ phần		744.903.390.000	744.903.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		744.903.390.000	744.903.390.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.980.358.653	1.980.358.653
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		21.180.306.796	18.782.788.567
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		175.849.043.074	99.881.148.118
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		99.074.121.673	99.881.148.118
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		76.774.921.401	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.417.529.986.729</b>	<b>1.572.277.082.986</b>

Đặng Nguyễn Thị Kim Loan  
Người lập

Trần Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởng

Lê An Khang  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	206.495.931.868	184.392.347.512
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	108.764.997.681	104.454.069.185
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.730.934.187	79.938.278.327
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	77.186.278.255	101.547.323.132
22	5. Chi phí tài chính	26	35.656.490.276	28.277.386.615
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		29.249.647.062	28.266.647.391
25	6. Chi phí bán hàng	29	124.101.957	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	35.418.196.046	28.268.330.378
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		103.718.424.163	124.939.884.466
31	9. Thu nhập khác	28	5.059.777.060	5.158.058.646
32	10. Chi phí khác	28	4.264.655.926	4.081.158.987
40	11. Lợi nhuận khác	28	795.121.134	1.076.899.659
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104.513.545.297	126.016.784.125
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	3.770.678.366	7.152.441.854
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		100.742.866.931	118.864.342.271



Đặng Nguyễn Thị Kim Loan  
Người lập





Trần Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởng

Lê An Khang  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>104.513.545.297</b>	<b>126.016.784.125</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	50.393.055.950	29.018.803.096
03	Các khoản dự phòng		-	(352.409.453)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(218.938)	(6.610.162)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(76.878.804.658)	(101.675.158.469)
06	Chi phí lãi vay	26	29.249.647.062	28.266.647.391
07	Các khoản điều chỉnh khác		1.000.000.000	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>108.277.224.713</b>	<b>81.268.056.528</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		8.461.857.073	(29.377.356.828)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(5.889.495.001)	1.443.424.184
11	Giảm các khoản phải trả		(13.820.856.175)	(26.298.237.041)
12	Giảm chi phí trả trước		2.843.427.378	1.616.056.788
14	Tiền lãi vay đã trả		(32.880.911.025)	(30.420.671.276)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.359.855.848)	(4.175.372.831)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(636.180.610)	(4.437.747.539)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>53.995.210.505</b>	<b>(10.381.848.015)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.540.270.620)	(33.330.734.112)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		170.643.155	1.149.207.429
23	Tiền chi cho vay		(118.472.052.796)	(36.985.710.381)
24	Tiền thu hồi cho vay		198.863.000.000	78.799.547.889
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.485.000.000)	(9.294.198.545)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.183.562.000	18.213.189.000
27	Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.389.640.563	75.400.756.481
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>149.109.522.302</b>	<b>93.952.057.761</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		306.194.064.255	155.986.388.658
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(515.878.373.871)	(265.923.754.930)
36	Cổ tức đã trả		(20.556.179)	(51.642.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		<b>(209.704.865.795)</b>	<b>(109.989.008.272)</b>
50	Luân chuyển tiền thuần trong năm		<b>(6.600.132.988)</b>	<b>(26.418.798.526)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.715.290.957	42.133.654.622
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		141.441	434.861
70	Tiền cuối năm	4	<b>9.115.299.410</b>	<b>15.715.290.957</b>



Đặng Nguyễn Thị Kim Loan  
Người lập





Trần Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởng

Lê An Khang  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và được chấp thuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5900181213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác; tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công và giám sát các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; cung cấp dịch vụ xây dựng, dịch vụ tư vấn kỹ thuật; và đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; và bảy (7) chi nhánh gồm:

- Chi nhánh Lâm Đồng: tại Thôn 1, Xã Đạ Sar, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;
- Chi nhánh Chư Prông: tại số 268 Đường Hùng Vương, Thị Trấn Chư Prông, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: tại số 94A Khuông Việt, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Mang Yang: tại Làng Ró, Xã Lơ Pang, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh TTC Ayun Hạ: tại Quốc lộ 25, Thôn Thanh Thượng A, Xã Ayun Hạ, Huyện Phú Thiện, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam;
- Chi nhánh Thừa Thiên Huế: tại số 189 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam; và
- Chi nhánh TTC Bến Tre: tại số 75 Đường 30/4, Phường 3, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam..

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 296 (ngày 1 tháng 1 năm 2016: 281).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 48 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 20 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	8 năm
Tài sản khác	2 – 15 năm

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.8 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.9 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”)**

Công ty có tham gia HĐHTKD dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế). Theo đó, Công ty theo dõi và ghi nhận phần doanh thu và chi phí riêng biệt tương ứng của mình trong HĐHTKD trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

**3.11 Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Ghi nhận giá vốn**

Chi phí giá vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	56.777.375	16.711.744
Tiền gửi ngân hàng	9.058.522.035	7.698.579.213
Các khoản tương đương tiền	-	8.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.115.299.410</b>	<b>15.715.290.957</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	58.100.892.289	68.060.056.387
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	47.863.163.426	56.368.230.292
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	7.174.462.981	7.383.720.889
- Các khách hàng khác	3.063.265.882	4.308.105.206
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	5.501.128.901	4.136.641.376
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.602.021.190</b>	<b>72.196.697.763</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.028.732)	(11.028.732)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>63.590.992.458</b>	<b>72.185.669.031</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	698.398.556	635.210.949
Bên liên quan	-	144.327.486
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>698.398.556</b>	<b>779.538.435</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (i) (Thuyết minh số 31)	79.000.000.000	171.000.000.000
Cho vay Công ty Cổ phần Xây lắp & Dịch vụ Cơ điện Gia Lai	343.858.552	343.858.552
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>79.343.858.552</b>	<b>171.343.858.552</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(343.858.552)	(343.858.552)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>79.000.000.000</b>	<b>171.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(i) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng Hóa Sơn Tín</b>				
Hợp đồng số 04/2016/HĐVV/ST-GEC ngày 18 tháng 10 năm 2016	74.000.000.000	Ngày 18 tháng 4 năm 2017	9	Bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công
<b>Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ</b>				
Hợp đồng số 03/HĐTD-GEC/2016 ngày 1 tháng 10 năm 2016	5.000.000.000	Ngày 11 tháng 4 năm 2017	7,5	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>79.000.000.000</u></b>			

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	47.176.645.000	51.732.295.200
Tạm ứng nhân viên	838.604.316	727.707.394
Phải thu khác	1.971.556.359	1.515.522.648
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.986.805.675</u></b>	<b><u>53.975.525.242</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	48.661.460.281	52.765.083.242
<i>Bên thứ ba</i>	1.325.345.394	1.210.442.000

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.754.192.300	3.433.185.480
Công cụ, dụng cụ	13.538.373	23.006.868
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.577.956.676	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.345.687.349</u></b>	<b><u>3.456.192.348</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	<u>26.477.000.000</u>	<u>14.867.947.204</u>

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức</i>
	<i>VND</i>		<i>(%/năm)</i>	<i>đảm bảo</i>
<b>Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ</b>				
Hợp đồng số 12/HĐTD-GEC/2015 ngày 22 tháng 12 năm 2015	25.000.000.000	5 năm từ ngày 30 tháng 6 năm 2016	9	Một phần tài sản hình thành từ vốn vay
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai</b>				
Hợp đồng số 11/HĐTD-GEC/2015 ngày 13 tháng 11 năm 2015	1.477.000.000	3 năm từ ngày 13 tháng 11 năm 2015	9	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>26.477.000.000</b></u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>							
Số đầu năm	600.030.672.963	286.854.451.644	117.020.283.791	2.290.218.468	174.169.396	28.013.846.209	1.034.383.642.471
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	330.930.708	283.138.133	1.621.790.988	-	513.542.151	2.749.401.980
Mua mới trong năm	642.775.609	4.840.627.599	1.110.065.219	-	-	120.000.000	6.713.468.427
Thanh lý	-	(174.500.000)	(159.584.617)	(153.445.042)	-	(285.735.103)	(773.264.762)
Phân loại lại	421.356.020	1.367.336.473	-	2.844.999.662	-	(4.633.692.155)	-
Số cuối năm	601.094.804.592	293.218.846.424	118.253.902.526	6.603.564.076	174.169.396	23.727.961.102	1.043.073.248.116
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	10.351.766.069	6.286.630.518	1.415.717.312	233.930.103	174.169.396	239.061.419	18.701.274.817
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Số đầu năm	100.537.218.303	69.868.053.976	33.742.484.516	864.532.708	174.169.396	1.565.873.239	206.752.332.138
Khấu hao trong năm	25.432.840.158	14.824.953.519	7.138.817.643	706.525.560	-	2.123.745.762	50.226.882.642
Thanh lý	-	(46.761.710)	(36.807.420)	(148.801.887)	-	(62.995.931)	(295.366.948)
Phân loại lại	10.891.128	35.342.654	-	73.537.005	-	(119.770.787)	-
Số cuối năm	125.980.949.589	84.681.588.439	40.844.494.739	1.495.793.386	174.169.396	3.506.852.283	256.683.847.832
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Số đầu năm	499.493.454.660	216.986.397.668	83.277.799.275	1.425.685.760	-	26.447.972.970	827.631.310.333
Số cuối năm	475.113.855.003	208.537.257.985	77.409.407.787	5.107.770.690	-	20.221.108.819	786.389.400.284
<i>Trong đó:</i>							
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)	473.877.051.851	200.943.022.895	76.222.408.714	1.233.638.802	-	8.605.835.602	760.881.957.864

(\*) Trong năm, Công ty đã dùng một phần tài sản là các nhà máy thủy điện và trụ sở làm việc để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai theo Hợp đồng số 05/16/VCB.GEC ngày 30 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**12. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	3.868.178.000	472.500.000	139.440.184	4.480.118.184
Mua mới trong năm	-	189.000.000	-	189.000.000
Số cuối năm	<u>3.868.178.000</u>	<u>661.500.000</u>	<u>139.440.184</u>	<u>4.669.118.184</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	175.000.000	-	175.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	54.831.585	262.212.781	70.453.971	387.498.337
Hao mòn trong năm	77.428.356	71.131.448	17.613.504	166.173.308
Số cuối năm	<u>132.259.941</u>	<u>333.344.229</u>	<u>88.067.475</u>	<u>553.671.645</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	<u>3.813.346.415</u>	<u>210.287.219</u>	<u>68.986.213</u>	<u>4.092.619.847</u>
Số cuối năm	<u>3.735.918.059</u>	<u>328.155.771</u>	<u>51.372.709</u>	<u>4.115.446.539</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án điện gió Bến Tre	4.568.046.314	-
Dự án trại năng Ninh Thuận	894.621.320	-
Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	-	714.411.900
Khác	323.524.479	183.380.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>5.786.192.113</b></u>	<u><b>897.791.900</b></u>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	367.512.283.841	389.295.000.638
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	100.006.687	791.190.187
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>367.612.290.528</b></u>	<u><b>390.086.190.825</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND
			(1) Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	58,1
(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	(*) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	59,1	143.562.636.932	59,1	143.562.636.932
(3) Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ	(**) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	70	31.990.201.240	52,9	20.005.201.240
(4) Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Đang hoạt động	100	13.197.314.737	100	13.197.314.737
(5) Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	65,3	5.880.000.000	65,3	5.880.000.000
(6) Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển Năng lượng Gia Lai	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	Đang hoạt động	100	1.500.000.000	100	1.500.000.000
(7) Công ty TNHH MTV IALÓP	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Đang hoạt động	100	500.000.000	-	-
(8) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	(***) Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	Thanh lý	-	-	20,1	34.267.716.797
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>367.512.283.841</b>		<b>389.295.000.638</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				-		-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>				<b>367.512.283.841</b>		<b>389.295.000.638</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào công ty con** (tiếp theo)

- (\*) 14.471.994 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên đã được đem đi thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 22*).
- (\*\*) Trong năm, Công ty đã tiến hành góp thêm vốn theo tiến độ và mua thêm vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ với tổng giá trị là 11.985.000.000 VNĐ.
- (\*\*\*) Vào ngày 9 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú ("TPH") cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công với giá trị chuyển nhượng là 39.183.562.000 VNĐ.  
 Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, giao dịch chuyển nhượng này đã hoàn tất, theo đó, TPH không còn là công ty con của Công ty.

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH GKC	100.006.687	100.006.687
Đầu tư vào dự án Thủy Điện Krông Pa 2	-	691.183.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.006.687</b>	<b>791.190.187</b>

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa (*)	7.820.921.764	9.953.900.428
Chi phí kiểm định, cải tạo nhà máy thủy điện	3.804.716.862	4.494.254.485
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	419.815.697	837.061.198
Khác	2.293.044.732	2.064.683.506
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.338.499.055</b>	<b>17.349.899.617</b>

- (\*) Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Điện Gia Lai để cổ phần hóa theo Biên bản Thẩm định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 10 năm 2009. Lợi thế kinh doanh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ ngày cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Bên thứ ba	3.599.331.009	2.863.943.910
- Trung tâm Sản xuất thiết bị đo điện tử Điện lực miền Trung	1.352.136.394	-
- Công ty TNHH Một thành viên Thí nghiệm điện Miền Trung	249.586.518	635.730.877
- Các nhà cung cấp khác	1.997.608.097	2.227.346.033
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.974.990.653	3.386.170.533
	<u>5.574.321.662</u>	<u>6.249.247.443</u>
Dài hạn		
Bên thứ ba	166.630.351	275.307.039
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.740.952.013</u></b>	<b><u>6.524.554.482</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.092.386.221	5.150.111.584	12.359.855.848	882.641.957
Thuế giá trị gia tăng	4.218.919.342	17.998.552.325	17.482.841.622	4.734.630.045
Thuế tài nguyên	732.828.233	14.331.667.174	13.459.108.995	1.605.386.412
Thuế thu nhập cá nhân	527.728.079	3.788.512.708	3.832.357.797	483.882.990
Khác	637.242.040	2.144.216.159	2.050.704.296	730.753.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.209.103.915</u></b>	<b><u>43.413.059.950</u></b>	<b><u>49.184.868.558</u></b>	<b><u>8.437.295.307</u></b>
Phải thu				
Tiền thuế đất	59.310.000	385.204.235	385.204.235	59.310.000

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	341.581.191	2.762.535.779
Khác	98.000.000	75.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>439.581.191</u></b>	<b><u>2.837.535.779</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền nhận trước từ hợp đồng cho thuê văn phòng.

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả lợi nhuận HĐHTKD	36.737.444.778	44.469.491.970
Phải trả quỹ bảo vệ môi trường rừng	1.606.703.720	5.270.890.660
Khác	<u>2.216.866.069</u>	<u>2.476.223.891</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>40.561.014.567</u></b>	<b><u>52.216.606.521</u></b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	36.910.050.003	44.469.491.970
<i>Bên thứ ba</i>	<u>3.650.964.564</u>	<u>7.747.114.551</u>

**21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Khoản phải trả dài hạn khác thể hiện số dư phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên vào Công ty theo các HĐHTKD (*Thuyết minh số 31*) để xây dựng và khai thác các dự án thủy điện. Chi tiết các khoản nhận vốn theo HĐHTKD như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Thủy điện H'Mun	67.559.232.339	67.559.232.339
Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2	45.289.340.883	47.886.496.928
Nhà máy Thủy điện Ia Puch 3	34.717.966.818	36.259.018.986
Nhà máy Thủy điện H'Chan	20.353.014.735	22.480.525.984
Nhà máy Thủy điện Ia Meur 3, Ia Đrăng 3	<u>9.236.001.769</u>	<u>9.957.898.580</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>177.155.556.544</u></b>	<b><u>184.143.172.817</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. VAY**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	16.000.000.000	107.872.814.255	108.572.814.255	15.300.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)	27.546.000.000	106.321.250.000	133.867.250.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2 và 22.3)	60.258.830.556	30.327.213.909	68.675.180.404	21.910.864.061
<b>Vay dài hạn</b>				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	328.341.212.031	92.000.000.000	231.430.628.780	188.910.583.251
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.3 và 31)	4.212.327.047	-	3.659.714.341	552.612.706
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>436.358.369.634</b>	<b>336.521.278.164</b>	<b>546.205.587.780</b>	<b>226.674.060.018</b>

**22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</b>					
Hợp đồng vay số 19/HĐTD, ngày 27 tháng 12 năm 2016	13.500.000.000	Ngày 27 tháng 6 năm 2017	Bổ sung vốn lưu động	5	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</b>					
Hợp đồng vay số 399/16/VCB, ngày 30 tháng 12 năm 2016	1.800.000.000	Ngày 27 tháng 2 năm 2017	Bổ sung vốn lưu động	6,3	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.300.000.000</b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. VAY** (tiếp theo)

**22.2 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</b>					
Hợp đồng số 217/16/VCB, ngày 30 tháng 8 năm 2016	92.000.000.000	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 10 năm 2027	Vay hoàn vốn đầu tư	7,5	Các công trình nhà máy thủy điện và trụ sở hoạt động của Công ty
Hợp đồng số 01/2009/AJS.CO- HĐTD, ngày 16 tháng 3 năm 2009	90.160.000.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Đầu tư vào dự án thủy điện Ayun Thượng 1A	9,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng số 340/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	8.671.694.631	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án Khu Công nghiệp Diên Phú	9,3	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
Hợp đồng số 341/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	6.135.961.999	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án cải tạo nâng cấp lưới điện Chư Prông	9,3	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
Hợp đồng số 342/14/NHNT, ngày 9 tháng 10 năm 2014	3.134.926.621	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020	Đầu tư vào dự án cải tạo nâng cấp Nhà máy thủy điện Đa Khai	9,3	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên thuộc sở hữu của Công ty
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	11.192.000.000				
<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (“Agribank Gia Lai”)</b>					
Biên bản thỏa thuận ngày 1 tháng 10 năm 2007 (*)	10.495.691.367	Ngày 25 tháng 5 năm 2017			
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	10.495.691.367				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>210.598.274.618</b>				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn đến hạn trả	21.687.691.367				
Vay dài hạn	188.910.583.251				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**22. VAY (tiếp theo)**

**22.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

(\*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 1 tháng 10 năm 2007 về việc tiếp nhận nợ vay ngân hàng giữa Agribank Gia Lai và Công ty Điện Gia Lai. Theo đó, Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty Cổ phần Điện Gia Lai) đã tiếp nhận nợ vay và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận của Công ty Mía đường Gia Lai đã ký kết với Agribank Gia Lai.

**22.3 Vay dài hạn bên liên quan**

Chi tiết khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<b>Các cổ đông nhỏ lẻ (*)</b>					
Hợp đồng số 01C/2012/HĐVV và 01D/2012/HĐVV, ngày 19 tháng 1 năm 2012	<u>775.785.400</u>	10 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2012	Đầu tư vào dự án thủy điện Ia Puch 3 và Đăk Pi Hao 2	8	Tin chấp
<i>Trong đó:</i>					
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	223.172.694				
<i>Vay dài hạn</i>	552.612.706				

(\*) Đây là các khoản vay từ các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai trước thời điểm sáp nhập (ngày 11 tháng 11 năm 2015). Công ty đã tiếp nhận lại toàn bộ khoản vay này tại thời điểm sáp nhập và Công ty đang trong quá trình ký lại hợp đồng vay với các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	601.302.280.000	56.096.658.653	11.725.530.748	81.434.490.002	750.558.959.403
Tăng vốn trong năm	143.601.110.000	(54.116.300.000)	-	(66.142.390.000)	23.342.420.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	118.864.342.271	118.864.342.271
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.387.587.991	(7.387.587.991)	-
Sử dụng quỹ	-	-	(330.330.172)	-	(330.330.172)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.181.723.816)	(4.181.723.816)
Phân chia lợi nhuận theo HĐHTKD (*)	-	-	-	(22.705.982.348)	(22.705.982.348)
Số cuối năm	<u>744.903.390.000</u>	<u>1.980.358.653</u>	<u>18.782.788.567</u>	<u>99.881.148.118</u>	<u>865.547.685.338</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	744.903.390.000	1.980.358.653	18.782.788.567	99.881.148.118	865.547.685.338
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	100.742.866.931	100.742.866.931
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.808.145.726	(4.808.145.726)	-
Hoàn nhập quỹ	-	-	(2.410.627.497)	2.410.627.497	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.475.727.011)	(5.475.727.011)
Phân chia lợi nhuận theo HĐHTKD (*)	-	-	-	(16.901.726.735)	(16.901.726.735)
Số cuối năm	<u>744.903.390.000</u>	<u>1.980.358.653</u>	<u>21.180.306.796</u>	<u>175.849.043.074</u>	<u>943.913.098.523</u>

(\*) Phân chia lợi nhuận liên doanh thể hiện phần phân chia lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên theo các HĐHTKD để xây dựng và khai thác các dự án thủy điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Vốn cổ phần đã góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Vốn cổ phần đã góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	18.500.242	185.002.420.000	24,84	3.009.582	30.095.820.000	4,04
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	18.500.000	185.000.000.000	24,84	14.739.764	147.397.640.000	19,79
AVH Pte. Ltd.	14.935.446	149.354.460.000	20,05	-	-	-
International Finance Corporation	11.881.076	118.810.760.000	15,95	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.967.499	39.674.990.000	5,33	3.967.499	39.674.990.000	5,33
Bà Tạ Thị Ngoan	-	-	-	17.436.000	174.360.000.000	23,41
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	-	-	-	9.660.000	96.600.000.000	12,97
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công Nghiệp Đặng Huỳnh	-	-	-	7.098.156	70.981.560.000	9,53
Các cổ đông khác	6.706.076	67.060.760.000	9,00	18.579.338	185.793.380.000	24,94
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.490.339</b>	<b>744.903.390.000</b>	<b>100</b>	<b>74.490.339</b>	<b>744.903.390.000</b>	<b>100</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	744.903.390.000	601.302.280.000
Tăng vốn trong năm	-	143.601.110.000
Số cuối năm	<u>744.903.390.000</u>	<u>744.903.390.000</u>

**23.4 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	74.490.339	74.490.339
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	74.490.339	74.490.339
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	74.490.339	74.490.339

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	190.975.757.626	160.884.641.055
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.520.174.242	23.507.706.457
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>206.495.931.868</u></b>	<b><u>184.392.347.512</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan	11.607.117.430	13.561.609.982
Doanh thu đối với bên thứ ba	194.888.814.438	170.830.737.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**24. DOANH THU** (tiếp theo)

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.648.061.282	51.732.295.200
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.622.152.832	24.280.208.606
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	4.915.845.203	8.609.955.399
Lãi từ nhận sáp nhập	-	16.918.253.765
Khác	218.938	6.610.162
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.186.278.255</u></b>	<b><u>101.547.323.132</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	97.425.489.431	91.456.946.456
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11.339.508.250	12.997.122.729
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>108.764.997.681</u></b>	<b><u>104.454.069.185</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	29.249.647.062	28.266.647.391
Phí trả nợ trước hạn	5.858.420.284	-
Khác	548.422.930	10.739.224
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.656.490.276</u></b>	<b><u>28.277.386.615</u></b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	19.429.174.030	18.006.665.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.012.826.823	1.729.374.018
Chi phí khác	13.976.195.193	8.532.291.194
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.418.196.046</u></b>	<b><u>28.268.330.378</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.059.777.060</b>	<b>5.158.058.646</b>
Thu nhập hoạt động cho thuê	3.143.315.826	2.144.108.793
Khác	1.916.461.234	3.013.949.853
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.264.655.926</b>	<b>4.081.158.987</b>
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.455.253.392	1.687.297.014
Khác	1.809.402.534	2.393.861.973
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>795.121.134</b>	<b>1.076.899.659</b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.181.548.012	54.463.566.841
Chi phí nhân công	34.311.635.662	32.353.435.997
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 11 và 12)	50.393.055.950	29.018.803.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.975.007.930	3.066.785.262
Chi phí khác	27.446.048.130	13.819.808.367
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>144.307.295.684</b>	<b>132.722.399.563</b>

KẾ TÍNH QUẢN LÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư thủy điện sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC – Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau :

- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Đrăng 2 - hạng mục công trình đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông – Trà Bá: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2010 đến năm 2016).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Đrăng 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời gian miễn giảm (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Theo Công văn số 11684/BTC-TCT ngày 16 tháng 9 năm 2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính (“Công văn số 11684/BTC-TCT”) thì mức thuế suất thuế TNDN hiện nay của Dự án là 10%.
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Meur 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời gian miễn giảm (từ năm 2005 đến năm 2015), được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Theo Công văn số 11684/BTC-TCT thì mức thuế suất thuế TNDN hiện nay của Dự án là 10%.
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đa Khai: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 1: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2018 đến năm 2026).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2015 đến năm 2023).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Đăk Pi Hao 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2012 đến năm 2018).
- Đối với Nhà máy Thủy điện Ia Puch 3: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2013 đến năm 2019).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.303.659.741	7.152.441.854
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	467.018.625	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.770.678.366</b>	<b>7.152.441.854</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>104.513.545.297</b>	<b>126.016.784.125</b>
<b>Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:</b>		
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không điều hành trực tiếp	514.224.000	416.541.516
Chi phí không được khấu trừ	1.780.644.285	591.411.042
Cổ tức nhận được trong năm	(56.648.061.282)	(51.732.295.200)
Thu nhập từ sáp nhập công ty con	-	(16.340.661.645)
<b>Thu nhập chịu thuế điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước</b>	<b>50.160.352.300</b>	<b>58.951.779.838</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>50.160.352.300</b>	<b>58.951.779.838</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm</b>	<b>3.303.659.741</b>	<b>7.152.441.854</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.092.386.221	3.123.633.401
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	467.018.625	-
Thuế TNDN trả thay TIC trong HĐHTKD	1.379.433.218	1.991.683.797
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(12.359.855.848)	(4.175.372.831)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>882.641.957</b>	<b>8.092.386.221</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND			
			Năm nay	Năm trước		
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Chia doanh thu HĐHTKD	26.508.476.029	17.038.887.288		
		Cổ tức	18.954.044.200	18.954.044.200		
		Phân chia lợi nhuận liên doanh	16.748.387.147	22.705.982.348		
		Chia chi phí HĐHTKD	13.132.638.731	7.295.138.082		
		Mua điện	1.869.116.843	2.818.140.162		
		Cung cấp dịch vụ	1.274.114.889	1.185.459.573		
		Chi phí trả hộ	92.513.842	93.964.033		
		Thuê văn phòng	70.909.092	70.909.092		
		Lãi vay	-	20.377.777		
		Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	35.162.123.800	32.778.251.000
				Cung cấp dịch vụ	1.206.887.790	3.064.471.502
Thuê xe	165.213.306			-		
Cung cấp máy thiết bị	144.645.456			-		
Thuê văn phòng	140.727.276			138.272.730		
Lãi vay	-			878.656.944		
Lắp đặt hệ thống đo đếm	-			106.650.000		
Khác	645.704.973			86.802.568		
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	2.406.480.055	9.060.948.110		
		Lãi vay	1.749.451.029	1.368.849.778		
		Thuê khu sản xuất	1.747.560.000	1.310.670.000		
		Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu	1.242.613.776	-		
		Lãi cho vay	221.364.272	122.045.948		
		Thuê văn phòng	163.636.368	137.272.731		
		Tiền điện	64.886.972	45.178.042		
		Thuê máy móc, thiết bị	22.738.579	17.525.413		
		Chi hộ	2.222.479	-		
		Nhượng bán tài sản cố định	-	1.149.207.429		
		Tiền thưởng	-	345.000.000		
		Nhượng bán vật tư	-	170.165.254		
		Khác	65.821.075	30.818.642		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con	Lãi cho vay	1.899.724.092	86.718.696
		Cung cấp dịch vụ	1.106.801.225	2.750.206.440
		Thuê văn phòng	828.624.000	248.587.200
		Chi phí trả hộ	71.703.866	11.462.553
		Khác	18.705.068	26.581.187
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu	1.289.279.506	-
		Sử dụng dịch vụ	641.097.377	351.763.466
		Thuê văn phòng	120.000.000	120.000.000
		Lãi vay	5.666.667	3.333.333
		Khác	53.602.401	2.936.350
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	646.509.412	196.151.560
		Lãi vay	430.556	-
		Cung cấp lắp đặt hệ thống SCADA	-	47.475.000
		Khác	4.330.564	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông	Trả nợ vay	110.000.000.000	-
		Vay	75.000.000.000	-
		Trả nợ gốc vay	75.000.000.000	-
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	39.183.562.000	-
		Lãi cho vay	6.908.611.110	12.745.635.977
		Cung cấp dịch vụ	4.715.645.526	631.000.000
		Cung cấp lắp đặt thiết bị	1.271.573.980	786.911.900
		Lãi vay	729.583.333	-
		Mua hàng hóa	189.185.836	165.631.441
		Thuê phòng	158.555.340	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng Hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	99.000.000.000	7.000.000.000
		Trả nợ vay	32.000.000.000	-
		Lãi cho vay	3.080.454.728	620.666.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Đặng Nhân Dung	Bên liên quan	Trả nợ vay	54.000.000.000	-
		Lãi cho vay	3.439.866.216	5.202.615.031
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	2.263.422.801	-
		Mua hàng hóa	-	3.549.142.858
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	Bên liên quan	Dịch vụ tư vấn	1.500.000.000	1.500.000.000
		Cung cấp lắp đặt thiết bị	312.641.000	-
		Trả hộ	44.077.856	9.012.690
		Bán vật tư	-	30.579.622
		Lãi cho vay	-	76.500.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	1.002.790.000	-
		Dịch vụ du lịch	604.000.000	925.890.000
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	1.208.448.037	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	690.468.476	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa	Bên liên quan	Mua tài sản	440.000.000	-
		Cung cấp lắp đặt thiết bị	438.126.140	80.000.000

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	4.940.981.500	4.239.925.180
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	805.824.000	625.771.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.746.805.500</b>	<b>4.865.696.180</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	1.742.835.557	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	772.069.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	685.000.000	5.703.213
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	346.526.505	2.335.552.084
Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	236.023.271	126.781.778
Công ty TNHH Một Thành viên Thành Thành Công Gia Lai	Bên liên quan	Cung cấp lắp đặt thiết bị	68.674.568	
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	18.604.301
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>5.501.128.901</u></b>	<b><u>4.136.641.376</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng Hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Cho vay	74.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng	Cho vay	-	110.000.000.000
Bà Đặng Nhấn Dung	Bên liên quan	Cho vay	-	54.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>79.000.000.000</u></b>	<b><u>171.000.000.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Công ty con	Cổ tức Khác	26.222.600.800 106.655.000	32.778.251.000 139.880.950
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức Khác	18.954.044.200 -	18.954.044.200 136.010.440
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Công ty con	Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu Lãi vay Khác	1.242.613.776 11.446.750 33.123.845	- - 123.416.151
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Lợi nhuận chi trả cho Chủ sở hữu Khác	757.386.224 21.457.143	- -
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ	Công ty con	Lãi vay Khác Thuê văn phòng	659.625.000 38.035.718 -	13.169.472 - 507.762.666
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng Hóa Sơn Tín	Bên liên quan	Lãi vay	573.500.000	57.325.863
Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Công ty con	Khác	32.729.475	52.222.500
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trường Phú	Bên liên quan	Khác	8.242.350	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>48.661.460.281</b>	<b>52.765.083.242</b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thượng Lộ	Công ty con	Cho vay	25.000.000.000	10.797.947.204
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Công ty con	Cho vay	1.477.000.000	4.070.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>26.477.000.000</b>	<b>14.867.947.204</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đồng	Dịch vụ tư vấn	1.195.838.530	-
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	585.300.230	3.385.303.533
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ tư vấn	192.351.893	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Bên liên quan	Dịch vụ cho thuê	1.500.000	867.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.974.990.653</b>	<b>3.386.170.533</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Phân chia lợi nhuận HĐHTKD	36.737.444.778	44.469.491.970
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Công ty con	Thuê văn phòng	87.148.610	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai	Công ty con	Thuê xe	76.456.615	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Công ty con	Khác	9.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>36.910.050.003</b>	<b>44.469.491.970</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên	Công ty con	Nhận góp vốn liên doanh	177.155.556.544	184.143.172.817
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Xây lắp và Cơ điện Gia Lai	Công ty con	Vay	-	26.746.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn và Phát triển Năng lượng Gia Lai	Công ty con	Vay	-	800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>27.546.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>				
Các cổ đồng khác	Cổ đồng	Vay	775.785.400	5.608.578.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng



Đặng Nguyễn Thị Kim Loan  
Người lập



Trần Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởng

Lê An Khang  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 3 năm 2017

